

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -8-2018

V/v: “ Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng .

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc: “ Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 225, ấp V, xã TN, huyện TH, tỉnh Long An.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 61, tổ 1, ấp 3, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(chị H có mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc H trình bày :

Chị và anh H1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 ăn chơi, nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, từ tháng 9/2015 chị và anh H1 đã

tự sống ly thân nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh H1.

Về con chung : Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H2, sinh ngày 27/3/2006, cháu H2 sống cùng anh H1 và bà nội của cháu từ năm 2015 đến nay, nguyện vọng của cháu cũng tiếp tục được sống cùng gia đình ba của cháu nên chị đồng ý. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2018 anh Nguyễn Hồng H1 trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau vào năm 2005, đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT, vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, anh làm nghề đánh cá, chị H làm công nhân nên giữa hai vợ chồng ít nói chuyện với nhau, do thời gian làm khác nhau. Trước đây anh bị nghiện ma túy nên chị H bỏ đi. Từ năm 2015, vợ chồng đã ly thân nhau, chị H bỏ đi anh không liên lạc được với chị H. Nay anh đang cai nghiện tốt nên mong muốn sau khi anh cai nghiện xong, vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh tôn trọng ý kiến chị H, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H2, sinh ngày 27/3/2006, khi chị H bỏ đi, anh là người trực tiếp nuôi cháu H2, khi anh đi cai nghiện thì anh nhờ bà nội cháu chăm sóc cháu, nguyện vọng anh được tiếp tục nuôi cháu H2, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung, chị H đồng ý để anh H1 nuôi con nên giao cháu H2 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh H1 nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên không xét. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đồng nên ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Anh Nguyễn Hồng H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 chung sống với nhau vào năm 2005, đến năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 204 ngày 22/11/2007) nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh H1, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh H1 mong muốn được đoàn tụ nhưng nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, từ năm 2015, chị H và anh H1 đã sống ly thân nhau, không bàn bạc đoàn tụ được chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H2, sinh ngày 27/3/2006.

Anh H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị H đồng ý. Cháu H2 đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu H2 có nguyện vọng được sống với anh H1 chứ không đồng ý về sống với chị H, vì vậy giao cháu H2 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh H1 nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000.

Căn cứ Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc H, xử cho chị Hân được ly hôn anh Nguyễn Hồng H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H2, sinh ngày 27/3/2006 cho anh Nguyễn Hồng H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000 đồng của chị Trương Thị Ngọc H.

Chị Trương Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

3. Tài sản chung, nợ chung : Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 002008 ngày 23/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

5. Chị Trương Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hồng H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- Các đương sự.
- UBND xã PT, H. LT,
- Tỉnh Đồng Nai.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Liên